

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 64 /2022/HS-PT
Ngày: 19/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị An Tiên;

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Việt– Kiểm sát viên.

Ngày 14 và ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 23/2022/TLPT-HS ngày 09 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo: Võ Phạm Thùy D, Nguyễn Thị O, Đoàn Thị Cẩm N, Đoàn Thị Cẩm L, Nguyễn Thị Y, Lê Kim C, Nguyễn Thanh T, Đặng Thành L, Lê Thị K; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 112/2021/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Võ Phạm Thùy D**, sinh ngày: 12/5/2000, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn BC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn Việt Nsinh năm 1974 và bà: Phạm Thị Ng sinh năm 1982; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 35/L-CSMT ngày 16-8-2021 từ ngày 16-8-2021 đến ngày 16-11-2021;

Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

2. **Nguyễn Thị O**, sinh ngày: 01/01/1988, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn BC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ

học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1957; Chồng: Nguyễn Văn H (chết); Con: có 01 người sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 41/L-CSMT ngày 16-8-2021 từ ngày 16-8-2021 đến ngày 16-11-2021;

Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

3. Đoàn Thị Cẩm N (tên gọi khác: Bé), sinh ngày: 13/01/1990, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn BC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn B sinh năm 1969 và bà Phạm Thị H1 (chết); Chồng: Võ Hồng L1 sinh năm 1979 ; Con: Có 02 người, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 42/L-CSMT ngày 16-8-2021 từ ngày 16-8-2021 đến ngày 16-11-2021;

Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

4. Đoàn Thị Cẩm L, sinh ngày: 16/11/1995, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu phố 1, thị trấn BC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp Bến, xã An Thạnh, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn B sinh năm 1969 và bà Phạm Thị H1 (chết); chồng: Nguyễn Thanh T sinh năm 1996 (là bị cáo trong vụ án); Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 40/L-CSMT ngày 16-8-2021 từ ngày 16-8-2021 đến ngày 16-11-2021;

Bị cáo tại ngoại. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

5. Nguyễn Thị Y (tên gọi khác: Út Tiêu), sinh ngày: 15/10/1988, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu phố 2, thị trấn BC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp Bến, xã An Thạnh, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Ph (chết) và bà Trần Thị Ph sinh năm 1955; Chồng: Áu A T2 sinh năm 19684; Con: có 02 người, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 37/L-CSMT ngày 16-8-2021 từ ngày 16-8-2021 đến ngày 16-11-2021;

Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

6. Lê Kim C, sinh ngày: 10/4/1994, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn BC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học

vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn S sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị H3 sinh năm 1966 ; Chồng: Nguyễn Văn Qsinh năm 1987 (đã ly hôn); Con: có 02 người, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 39/L-CSMT ngày 16-8-2021 từ ngày 16-8-2021 đến ngày 16-11-2021;

Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

7. **Nguyễn Thanh T**, (tên gọi khác: Đen), sinh ngày: 18/3/1996, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp Bến, xã An Thạnh, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị L3 sinh năm 1976 ; Vợ: Đoàn Thị Cẩm L sinh năm 1995 (là bị cáo trong vụ án); Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 38/L-CSMT ngày 16-8-2021 từ ngày 16-8-2021 đến ngày 16-11-2021;

Bị cáo tại ngoại. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

8. **Đặng Thành L**, sinh ngày: 11/6/1989, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: khu phố 2, thị trấn BC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn Thsinh năm 1970 và bà: Huỳnh Mai H4 sinh năm 1967; Có vợ: Võ Khánh L sinh năm 1989 (là bị cáo trong vụ án); con: có 02 người, lớn sinh năm 2009 (là con riêng của bị cáo Võ Khánh L), nhỏ sinh năm 2017 (là con chung của bị cáo L và bị cáo L); Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 36/L-CSMT ngày 16-8-2021 từ ngày 16-8-2021 đến ngày 16-11-2021;

Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

9. **Lê Thị K**, sinh ngày: 20/11/1986, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp Thuận Chánh, xã Lợi Thuận, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H5 (chết) và bà Đỗ Thị Bé N4 sinh năm 1959 ; Chồng: Cao Hoài Th1 sinh năm 1984 (đã ly hôn), Con: Có 02 người, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 45/L-CSMT ngày 16-8-2021 từ ngày 16-8-2021 đến ngày 16-11-2021;

Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

Ngoài ra, trong vụ án này còn có các bị cáo gồm: Võ Khánh Ly, Phan Văn Th2. Không có kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 15 phút ngày 12-5-2021, Công an huyện BC, tỉnh Tây Ninh kiểm tra cơ sở Karaoke HL tại khu phố 3, thị trấn BC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện tại phòng số 01 có 12 người đang hát karaoke gồm: Võ Phạm Thùy D, Nguyễn Thị O, Đoàn Thị Cẩm N, Đoàn Thị Cẩm L, Nguyễn Thị Y, Lê Kim C, Nguyễn Thanh T, Đặng Thành L, Võ Khánh Ly, Phan Văn Th2, Lê Thị K, Nguyễn Thị Thúy H5, đồng thời thu giữ tại phòng 01 đĩa sành, hình tròn màu trắng trên đĩa có chất rắn dạng bột (nghi chất ma túy), 01 thẻ bằng nhựa màu trắng trên thẻ có chất bột màu trắng (nghi chất ma túy) nên tiến hành thu giữ và xác minh làm rõ.

Qua điều tra, đã xác định: Vào khoảng 12 giờ ngày 12-5-2021, Võ Phạm Thùy D cùng với Nguyễn Thị O, Đoàn Thị Cẩm N, Đoàn Thị Cẩm L, Nguyễn Thị Y, Lê Kim C, Nguyễn Thanh T, Đặng Thành L, Võ Khánh Ly, Phan Văn Th2, Lê Thị K, Nguyễn Thị Thúy Hậu ăn tiệc sinh nhật tại quán Hương Xưa thuộc ấp Long An, xã Long Thuận, huyện BC, tỉnh Tây Ninh. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, D bàn bạc với cả nhóm hùn tiền đến karaoke HL tại khu phố 3, thị trấn BC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh để hát và sử dụng ma túy thì Oanh, Nhung, Loan, Yên, Chi, Tú, Luân, Ly, Thiện, Kiều đồng ý và thống nhất D sẽ mua ma túy và trả tiền hát karaoke trước, khi hát karaoke và sử dụng ma túy xong thì cả nhóm góp tiền lại trả cho D (số tiền sẽ được chia đều cho mỗi người). Sau đó, D gặp người tên Tài đang ngồi bàn bên cạnh tại quán ăn Hương Xưa (không rõ lai lịch) hỏi mua 03 viên ma túy dạng nén và 01 bịch ma túy dạng khô (Ketamine) và yêu cầu Tài giao tại phòng số 01 Karaoke Hiền Loan, Tài đồng ý, đồng thời Thiện điện thoại cho Phạm Thị Kim L6 (là chủ cơ sở Karaoke HL cùng với Phạm Minh Nh) đặt phòng số 01 thì Kim Loan đồng ý. Đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày, cả nhóm 12 người lần lượt đến phòng số 01 Karaoke HL thì đã có ma túy để sẵn trên bàn gồm 03 viên ma túy dạng nén và 01 bịch ma túy dạng khô (Ketamine). Tại đây, N, Y, L, C, O, L, T, D cùng sử dụng hết 03 viên ma túy dạng nén, còn bịch ma túy dạng khô (Ketamine) L đã cả nhuyển để trên đầu thùng loa gần cửa ra vào chuẩn bị sử dụng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BC, tỉnh Tây Ninh phát hiện.

Riêng đối với Nguyễn Thị Thúy H là bạn của D từ địa phương khác đến, ngày 12-5-2021 D mời H đến Tây Ninh để dự tiệc sinh nhật tại quán ăn Hương Xưa, khi D bàn bạc việc hùn tiền hát karaoke và mua ma túy sử dụng thì H không biết vì đang nằm võng cách xa 07 đến 08 mét. Khi bàn bạc xong, D nói với H đến karaoke HL để hát, H không biết việc có ma túy trong phòng và cũng không sử dụng ma túy.

Kết luận giám định số 648/KL-KTHS ngày 18-5-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Mẫu chất rắn dạng bột màu trắng trên cái đĩa bằng sành hình tròn màu trắng và trên 01 thẻ nhựa màu trắng có chữ Christian Dior (ký hiệu M) gửi đến giám định là chất ma túy; Loại Ketamine; khối lượng 2,4909 gam.

Kiểm tra nồng độ chất ma túy, phát hiện Võ Phạm Thùy D, Đoàn Thị Cẩm L, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Y, có kết quả D tính với chất ma túy Methamphetamine; Lê Kim C, Võ Khánh Ly, Đoàn Thị Cẩm N, Nguyễn Thanh T, Đặng Thành L D tính với chất ma túy MDMA. Riêng Phan Văn Th2, Lê Thị K, Nguyễn Thị Thúy H có kết quả âm tính với chất ma túy.

* Cơ quan công an tiến hành thu giữ vật chứng và tang vật vụ án, bản án sơ thẩm đã xử lý.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 112/2021/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Tuyên bố các bị cáo Võ Phạm Thùy D, Nguyễn Thị O, Đoàn Thị Cẩm N, Đoàn Thị Cẩm L, Nguyễn Thị Y, Lê Kim C, Nguyễn Thanh T, Đặng Thành L, Lê Thị K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Võ Phạm Thùy D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Y 01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T 01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đặng Thành L 01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

5. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị O 01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

6. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đoàn Thị Cẩm N 01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

7. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đoàn Thị Cẩm L 01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

8. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Kim C 01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

9. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Thị K 01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Bản án còn tuyên về án phí, biện pháp tư pháp và quyền kháng cáo.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, bị cáo Lê Thị K kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, bị cáo Nguyễn Thanh T và Đoàn Thị Cẩm L kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, bị cáo Nguyễn Thị O kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt tù và được hưởng án treo.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, bị cáo Võ Phạm Thùy D kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, bị cáo Lê Kim C kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt tù và được hưởng án treo.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, bị cáo Đặng Thành L, Nguyễn Thị Y, Đoàn Thị Cẩm N kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Các bị cáo Lê Thị K, Võ Phạm Thùy D giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù. Các bị cáo Nguyễn Thị O, Lê Kim C, Đặng Thành L, Nguyễn Thị Y, Đoàn Thị Cẩm N giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ

hình phạt tù, xin được hưởng án treo. Bị cáo Nguyễn Thanh T và Đoàn Thị Cẩm L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo: bị cáo Võ Phạm Thùy D cung cấp tài liệu có cha ruột tên Võ Văn Việt Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn BC tặng giấy khen gương sản xuất kinh doanh giỏi năm 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh tặng Bằng khen đã có sản phẩm được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu Tây Ninh năm 2017; bị cáo Oanh đang mắc bệnh hiểm nghèo có khối u não, bị cáo tích cực hỗ trợ chống dịch bệnh Covid-2019; bị cáo Nhung có người con 8 tuổi mắc bệnh chậm phát triển thần kinh; bị cáo Loan mới sinh con nhỏ vào ngày 07-4-2022; bị cáo Kiều hỗ trợ địa phương chống dịch Covid-19 nhận được thư cảm ơn; bị cáo Chi có 2 chú ruột là liệt sĩ, bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng, tích cực hỗ trợ tiền cho chính quyền địa phương trong công tác phòng chống dịch được Ủy ban nhân dân thị trấn BC, Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành, Ủy ban nhân dân xã Long Thành Nam, Hòa Thành gửi Giấy cảm ơn. Các bị cáo có cung cấp tình tiết mới là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử có thể xem xét cho các bị cáo.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo D , Nhung trình bày:

Đối với bị cáo D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quá trình sống tại địa phương bị cáo có đóng góp hỗ trợ từ thiện trong công tác phòng chống dịch; cha bị cáo được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh tặng bằng khen kinh doanh giỏi. Đề nghị áp dụng điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới 01 năm tù là đủ sức răn đe bị cáo.

Đối với bị cáo Nhung đang nuôi 02 con nhỏ, có 01 con bị chậm phát triển, có ông bà nội là thương binh trong kháng chiến chống Mỹ. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới 01 năm tù là đủ sức răn đe bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, để sớm có điều kiện trở về phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm vào ngày 04-01-2022; ngày 06-01-2022; 07-01-2022; 10-01-2022 và ngày 11-01-2022 các bị cáo có đơn kháng cáo,

qua xem xét về trình tự, thủ tục phù hợp với Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.1] Đối với bị cáo Đoàn Thị Cẩm L và bị cáo Nguyễn Thanh T: được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt 2 bị cáo Loan và Tú.

[2] Hành vi của các bị cáo thể hiện như sau: Ngày 12-5-2021 bị cáo Võ Phạm Thùy D tổ chức sinh nhật tại quán Hương Xưa, sau khi ăn uống xong D và nhóm bạn gồm 11 người: Võ Phạm Thùy D, Nguyễn Thị O, Đoàn Thị Cẩm N, Đoàn Thị Cẩm L, Nguyễn Thị Y, Lê Kim C, Nguyễn Thanh T, Đặng Thành L, Lê Thị K, Võ Khánh Ly, Phan Văn Th2 thống nhất đến karaoke HL hát và bay lắc (sử dụng ma túy), bị cáo D là người chi tiền mua ma túy và chi trả tiền hát karaoke trước, sau đó chia đều cho mỗi bị cáo để trả lại cho bị cáo D và lần lượt các bị cáo kéo đến karaoke Hiền Loan, các bị cáo đã sử dụng một phần ma túy đã mua, phần còn lại đựng trên đĩa để trong phòng hát, ai có nhu cầu sử dụng sẽ lấy sử dụng tiếp, trong lúc đang “bay lắc” thì bị lực lượng công an huyện BC, tỉnh Tây Ninh kiểm tra phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng. Tại kết luận giám định số 648/KL-KTHS ngày 18-5-2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Mẫu chất rắn dạng bột màu trắng trên cái đĩa bằng sành hình tròn màu trắng và trên 01 thẻ nhựa màu trắng có chữ Christian Dior (Ký hiệu M) gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng 2,4909 gam. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Đối với bị cáo Võ Khánh L và Phan Văn Th2 không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước đối với ma túy là loại chất độc hại, gây mất trật tự an toàn xã hội, các bị cáo đều nhận thức rõ việc mua ma túy sử dụng là sai trái, pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, cần xử lý nghiêm minh các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng:

[4.1] Đối với bị cáo D : Là người khởi xướng “Bay lắc”, chủ động đi tìm đối tượng để mua ma túy và yêu cầu họ phải giao tại phòng hát. Bị cáo trực tiếp chi trả trước các khoản tiền sau đó chia đều cho các bị cáo khác trả tiền lại, bị cáo phạm tội thuộc vai trò là người đứng đầu nhóm, thực hiện tích cực. Cần áp dụng mức án cao nhất trong vụ án này. Cấp sơ thẩm áp dụng mức án 01 năm 03 tháng tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tài liệu có cha ruột tên Võ Văn Việt Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn BC tặng giấy khen gương sản xuất kinh doanh

giỏi năm 2020 và Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh tặng Bằng khen đã có sản phẩm được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu Tây Ninh năm 2017; bản thân bị cáo hỗ trợ chống dịch Covid-19 tại địa phương... là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, mức án đã xử là có phần nhẹ so với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4.2] Đối với bị cáo O: Là đồng phạm, thống nhất ý chí thực hiện tội phạm, bản thân bị cáo đã sử dụng ma túy. Hiện tại bị cáo đang mắc bệnh hiểm nghèo có khối u não. Bản thân tích cực hỗ trợ chống dịch bệnh Covid-19 là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mức án đã xử 01 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa bị cáo cung cấp tình tiết mới, thực hiện chính sách nhân đạo của pháp luật giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[4.3] Đối với bị cáo N: Là đồng phạm trong vụ án, có ông nội, bà nội tham gia cách mạng là thương binh, liệt sĩ. Có người con 8 tuổi mắc bệnh chậm phát triển thần kinh, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Thực hiện chính sách nhân đạo của nhà nước giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[4.4] Đối với bị cáo L: Là em ruột bị cáo N là gia đình có công cách mạng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, chồng tên Nguyễn Thanh T cùng là bị cáo trong vụ án, hiện tại bị cáo Loan mới sinh con nhỏ vào ngày 07-4-2022. Thực hiện chính sách nhân đạo của nhà nước giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[4.5] Đối với bị cáo K: Biết việc các bị cáo sử dụng ma túy “Bay lắc” và một phần ma túy còn lại để ai có nhu cầu sử dụng thì lấy sử dụng. Bị cáo đồng tình hùn trong khoản tiền mua ma túy nên cùng chịu chung hậu quả. Tuy nhiên, bị cáo không có sử dụng ma túy, tại cấp phúc thẩm cung cấp tài liệu thể hiện đã hỗ trợ địa phương chống dịch Covid-19 nhận được thư cảm ơn, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tính chất mức độ của bị cáo ít nguy hiểm hơn các bị cáo khác, có căn cứ chấp nhận kháng cáo giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[4.6] Đối với bị cáo C: Bị cáo là đồng phạm thống nhất ý chí cùng thực hiện, tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện gia đình có công với cách mạng, cụ thể có 2 chú ruột là liệt sĩ, bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng, quá trình sống ở địa phương tích cực hỗ trợ tiền và vật chất cho chính quyền địa phương trong công tác phòng chống dịch được Ủy ban nhân dân thị trấn BC, Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành, Ủy ban nhân dân xã Long Thành Nam, Hòa Thành, gửi Giấy cảm ơn. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4.7] Đối với các bị cáo còn lại: Y, L, T mức án đã xử là phù hợp, không có tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[5] Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 31-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị O, Đoàn Thị Cẩm N, Đoàn Thị Cẩm L, Lê Kim C, Lê Thị K không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Võ Phạm Thùy D, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thanh T, Đặng Thành L mỗi người phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

I/. Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Võ Phạm Thùy D, Nguyễn Thị Y, Đặng Thành L, Nguyễn Thanh T.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Thị O, Đoàn Thị Cẩm N, Đoàn Thị Cẩm L, Lê Kim C, Lê Thị K.

II/. Tuyên bố các bị cáo Võ Phạm Thùy D, Nguyễn Thị O, Đoàn Thị Cẩm N, Đoàn Thị Cẩm L, Nguyễn Thị Y, Lê Kim C, Nguyễn Thanh T, Đặng Thành L, Lê Thị K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Võ Phạm Thùy D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Y 01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T 01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đặng Thành L 01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

5. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị O 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

6. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đoàn Thị Cẩm N 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

7. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đoàn Thị Cẩm L 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

8. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Kim C 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

9. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Thị K 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

III/. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 31-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị O, Đoàn Thị Cẩm N, Đoàn Thị Cẩm L, Lê Kim C, Lê Thị K không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Võ Phạm Thùy D, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thanh T, Đặng Thành L mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra TANDTC (Vụ1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06;
- Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện BC;
- VKSND huyện BC;
- CCTHADS huyện BC;
- Công an huyện BC;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu THS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Giang